

Bản án số: 72/2026/HS-PT
Ngày: 23/6/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Hiền

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

Bà Đặng Thị Bích Vân

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Trang Minh Tú** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 96/2026/TLPT-HS ngày 06 tháng 5 năm 2026 do có kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát khu vực 5, tỉnh An Giang và kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Trần Quốc U, Nguyễn Việt T đối với bản án Hình sự sơ thẩm số 17/2026/HSST ngày 26/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh An Giang. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2026/QĐXXPT-HS ngày 08 tháng 6 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trần Quốc U (tên gọi khác Uy N), sinh ngày 26/7/1994 tại phường V, Thành phố Cần Thơ; Nơi cư trú: khu V, phường V, Thành phố Cần Thơ; CCCD số 093094007130; Nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q (đã chết) và bà Trần Thị H; Anh chị em ruột có hai người lớn nhất sinh năm: 1992, nhỏ nhất là bị cáo; có vợ tên Phạm Thị Ngọc T1 và có 01 người con sinh năm 2018; Tiền sự: Không; Tiền án: không; Nhân thân: xấu (đã từng bị kết án về tội trộm cắp tài sản nhưng đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/7/2025 đến ngày 02/8/2025 chuyển sang tạm giam cho cho đến nay, bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh A. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Việt T (tên gọi khác Trung C), sinh ngày 16/6/1994 tại phường V,

Thành phố Cần Thơ; Nơi cư trú: khu V, phường V, Thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Phan Thị D; Anh chị em ruột có hai người lớn nhất sinh năm: 1988, nhỏ nhất là bị cáo; có vợ tên Trần Nguyễn Thanh V; Bị cáo chưa có con; Tiền sự: Không; Tiền án: có 01 tiền án vào ngày 29/12/2016 bị Toà án nhân dân huyện Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang xử phạt 04 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 82/2016/HSST đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa nộp án phí; Nhân thân: xấu.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/7/2025 đến ngày 02/8/2025 chuyển sang tạm giam cho đến nay, bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh A. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra trong vụ án còn có bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do không có nghề nghiệp ổn định và cần tiền tiêu xài cá nhân, vào khoảng trưa (không xác định giờ cụ thể) ngày 27/7/2025, Nguyễn Việt T và Nguyễn Trần Quốc U bàn bạc trao đổi với nhau để thực hiện hành vi tìm tài sản của người khác sơ hở bán kiểm tiền tiêu xài, cả hai thống nhất (BL10, 11, 12, 13, 14, 15). Thực hiện theo kế hoạch đã bàn bạc, đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Nguyễn Việt T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu Đen – Bạc biển ks; 94B1- 680.49 đi đến nhà đón U. Lúc này, bị cáo U đã chuẩn bị sẵn công cụ phạm tội bỏ vào một ba lô vải màu nâu mang theo gồm: một cây kim thủy lực màu xanh dài khoảng 30cm, hai cây xà beng bằng sắt cán quấn băng keo đen và một tua vít. Ngoài ra để che giấu hành vi và tránh để lại dấu vết, U còn chuẩn bị cả vớ chân có in hình hoa văn đeo vào tay và chân (BL 54, 55, 56, 57).

Bị cáo T điều khiển xe chở U di chuyển từ hướng Vị Thanh đi về hướng G để tìm kiếm địa điểm trộm cắp. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 28/7/2025, khi cả hai đến khu vực ngã ba cầu C thuộc ấp H, xã H thì phát hiện Cửa hàng điện thoại di động “Thanh Điền” do chị Nguyễn Thị Tiết X làm chủ đã đóng cửa, khoá ngoài và không có người trông coi. Thấy thuận lợi, T quay xe lại, dừng phía trước để làm nhiệm vụ cảnh giới, còn U xuống xe mang theo kim thủy lực lên lút cất ổ khoá cửa rào, sau đó tiếp tục cắt khoá cửa sắt rồi đột nhập vào bên trong cửa hàng. Uy lực soát tại bàn làm việc và học tử phát hiện và lấy được số tiền 4.000.000 đồng gồm nhiều mệnh giá được cột dây thun và tiền lẻ để rời và nhiều thẻ cào điện thoại di động đã qua sử dụng với tổng giá trị thành tiền là 5.000.000 đồng và một điện thoại di động hiệu POCO C40 màu đen đã qua sử dụng nằm trên bàn. Bị cáo U tiếp tục đi vào

phòng ngủ phía trong lấy trộm một cặp da màu nâu treo trên tường trong cặp có hai xấp tiền mệnh giá 10.000 đồng và sổ sách.

Sau khi lấy tài sản, bị cáo U nhanh chóng ra xe bị cáo T đợi sẵn chờ tẩu thoát về nhà U. Tại đây cả hai kiểm điểm chia nhau số tiền mặt và thẻ cào để tiêu xài cá nhân. Riêng chiếc điện thoại thì U giữ lại để sử dụng. Đến ngày 30/7/2025 biết được sự việc đã bị phát giác khi hay tin từ chị Trần Nguyễn Thanh V (vợ T) T bị công mời làm việc nên U đã đến Công an xã H đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Ngày 02/8/2025, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh A ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can Nguyễn Trần Quốc U, Nguyễn Việt T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và bắt tạm giữ bị can từ ngày 30/7/2025 đến ngày 02/8/2025 thì chuyển sang tạm giam cho đến nay.

Về vật chứng của vụ án:

Vật chứng thu giữ được gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu POCO C40 màu đen, đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01/BKL- HDDGTS ngày 27/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự xã H kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu POCO C40 đã qua sử dụng, máy hoạt động bình thường, có giá là 1.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản, bị cáo U và T chiếm đoạt có giá là 10.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 13/CT - VKSKV5 ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang truy tố bị cáo Nguyễn Trần Quốc U và Nguyễn Việt T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 17/2026/HSST, ngày 26/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 298, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Trần Quốc U (tên gọi khác Uy N) và Nguyễn Việt T (tên gọi khác Trung C) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trần Quốc U 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 30 tháng 7 năm 2025.

Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Việt T 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 30 tháng 7 năm 2025.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo

(Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định)

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/4/2026 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh An Giang có kháng nghị số 01/QĐ-VKSKV5, đề nghị sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng áp dụng khung hình phạt nhẹ hơn theo khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự để xét xử các bị cáo và áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Nguyễn Trần Quốc U và giảm hình phạt cho bị cáo Nguyễn Việt T.

Ngày 30/3/2026 các bị cáo Nguyễn Trần Quốc U, Nguyễn Việt T kháng cáo đề nghị xem xét áp dụng khung hình phạt theo đề nghị của Viện kiểm truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát tỉnh An Giang giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát khu vực 5, các bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tội danh, bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Trần Quốc U và Nguyễn Việt T về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ và đúng pháp luật.

Tuy nhiên, về tình tiết định khung, bản án xét xử các bị cáo thuộc tình tiết phạm tội có tổ chức theo điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là không chính xác. Các bị cáo sử dụng xe là phương tiện đi lại hằng ngày, rủ nhau đi tìm tài sản trộm cắp, không chọn trước địa điểm phạm tội, không bàn bạc phân công vai trò cụ thể, không hứa hẹn trước địa điểm tiêu thụ tài sản, nên chỉ là đồng phạm giản đơn.

Do đó, các bị cáo chỉ phạm tội theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo U có nhân thân xấu, đã bị xét xử nhiều lần nhưng đã được xóa án tích nên trong vụ án này được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T cũng nhiều lần bị xét xử, đã chấp hành án xong, còn 01 tiền

án nên có tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Từ nhận định trên, đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát khu vực 5 và một phần kháng cáo của các bị cáo tại phiên tòa, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án khu vực 5 về điều luật áp dụng và các tình tiết giảm nhẹ nêu trên. Từ đó xử phạt bị cáo U mức án tù 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù; xử phạt bị cáo T mức án tù 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Xét đơn kháng cáo của các bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về quyết định của Bản án sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Trần Quốc U và Nguyễn Việt T đã thực hiện hành vi rủ nhau lén lút đột nhập vào cửa hàng điện thoại của bà Nguyễn Thị Tuyết X1 lấy trộm tài sản, qua định giá bằng 10.000.000đ. Do đó bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo qui định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng tội danh.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát và kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Về tình tiết định khung, kết quả điều tra và tranh tụng công khai tại phiên tòa thể hiện, các bị cáo rủ nhau đi tìm tài sản trộm cắp, không có sự bàn bạc phân công nhiệm vụ cụ thể từ trước, không lựa chọn địa điểm phạm tội, không có người chỉ huy, cầm đầu nên chưa đủ căn cứ xác định thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, định khung trên giá trị tài sản trộm cắp là 10.000.000đ, các bị cáo chỉ bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” thuộc khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, đề nghị sửa bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật và kháng cáo về khung hình phạt bị xét xử của các bị cáo là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ: Các bị cáo đều có nhân thân đã nhiều lần bị xét xử về các tội liên quan đến trộm cắp tài sản. Bị cáo T còn 01 tiền

án, do đó thuộc trường hợp tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường khắc phục hậu quả theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo U do đã được xóa án tích nên được áp dụng thêm phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đầu thú theo điểm i khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3.3] Về hình phạt, hành vi phạm tội của các bị cáo gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, việc đột nhập vào nhà người khác vào nửa đêm lấy trộm là hết sức nguy hiểm, gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho người dân tại địa phương. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, tình tiết về nhân thân, tăng nặng, giảm nhẹ thì mức án 01 năm 03 tháng tù đối với bị cáo U và 02 năm tù đối với bị cáo T mà cấp sơ đã tuyên là tương xứng với hành vi của các bị cáo. Mặc dù các bị cáo được áp dụng khung hình phạt nhẹ hơn nhưng mức án đã là tương xứng nên đề nghị giảm hình phạt đối với bị cáo T của Viện kiểm sát và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo U và T tại phiên tòa là không phù hợp, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Về quan điểm của Viện Kiểm sát tại phiên tòa: Đề nghị chấp nhận kháng nghị sửa bản án, chuyển khung hình phạt cho các bị cáo và áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ là đúng quy định. Về đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo T là chưa phù hợp, hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận một phần nên các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh An Giang. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Trần Quốc U và Nguyễn Việt T.

Sửa bản án sơ thẩm phần áp dụng pháp luật.

Tuyên bố:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Trần Quốc U 01** (một) năm **03** (ba) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 30 tháng 7 năm 2025.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Việt T 02** (hai) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 30 tháng 7 năm 2025.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 17/2026/HS-ST, ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VCTVKS phúc thẩm tại Tp. HCM (1);
- Tòa phúc thẩm -TANDTC tại Tp . HCM (1);
- VKSND tỉnh AG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh AG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh AG (1);
- Bị cáo (1);
- Cơ quan điều tra khu vực (1)
- VKS khu vực (5)- Tòa án khu vực (5)
- Thi hành án hình sự khu vực (5)
- Chi cục thi hành án dân sự khu vực (5)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Dương sự (2)
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Diệu Hiền